

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày: 27-8-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh
2. Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhớ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1971 tại xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Tốt và bà Nguyễn Thị Nhân; Có vợ: Nguyễn Thị Chi, sinh năm 1962 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/5/2017 đến ngày 02/6/2017 được trả tự do; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Phạm Thị Như N, sinh ngày 13/02/2009.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Phạm Thị Như N: Anh Phạm Văn R, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: ấp 5B, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Phan Kim G, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 24/5/2017, sau khi đã có uống rượu, Phạm Văn T đến nhà của anh Phạm Văn R để chơi, lúc này vợ chồng của anh R không có ở nhà, chỉ có em Phạm Thị Như N, sinh ngày 13/02/2009 (con ruột của anh R) đang ở trong nhà và nằm trên võng xem tivi, T đi vào nhà và hỏi em N “cha mẹ con đi đâu hết rồi”, em N trả lời “cha mẹ con qua nhà nội hết rồi”. Nảy sinh ý định dâm ô đối với em N, Phạm Văn T ngồi lên giường ở vị trí sát với cái võng, T sử dụng tay phải ôm em N, dùng miệng hôn lên mặt rồi hôn dần xuống tới ngực của em N, tay trái T sờ ngực, bóp vào mông của em N và dùng tay cởi quần của em N xuống tới đầu gối, sau đó T cởi nút quần dài của T ra và lấy dương vật để ra bên ngoài cho em N xem, T ngồi xuống tiếp tục ôm hôn vào ngực của em N với ý định sẽ tiếp tục dạy cho em N dùng miệng nút bộ phận sinh dục của T nhằm để thỏa mãn sinh lý, trong lúc T đang hôn ngực của em N thì bị chị Phan Kim G về đến nhà phát hiện truy hô và trình báo Cơ quan Công an.

Theo bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 22-2017/TD ngày 24/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang, kết luận đối với Phạm Thị Như N như sau: Màng trinh không vết rách, liền lạc, không chảy máu.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái võng màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu võng được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 18/KSĐT ngày 04/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Dâm ô đối với trẻ em” theo khoản 1 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em”;

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 116; Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 23/3/2018. (T cho bị cáo các ngày tạm giữ từ ngày 24/5/2017 đến ngày 02/6/2017)

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi tG cho người bị hại là cháu Phạm Thị Như N (đại diện hợp pháp là anh Phạm Văn R) số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Do đã nộp trước 8.000.000 đồng nên bị cáo chỉ phải nộp thêm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời gian bồi tG ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái vớng màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu vớng được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau.

Bị cáo Phạm Văn T rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận: Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 24/5/2017, lợi dụng lúc vợ chồng của anh R không có ở nhà, Phạm Văn T sử dụng tay phải ôm em N, dùng miệng hôn lên mặt rồi hôn dần xuống tới ngực của em N, tay trái T sờ ngực, bóp vào mông của em N và cởi quần của em N xuống tới đầu gối, sau đó T cởi nút quần dài của T ra và lấy dương vật để ra bên ngoài cho em N xem, tiếp tục ôm hôn vào ngực của em N với ý định sẽ tiếp tục dạy cho em N dùng miệng nút bộ phận sinh dục của T nhằm để thỏa mãn sinh lý, trong lúc T đang hôn ngực của em N thì bị phát hiện như nội dung Cáo trạng đã nêu, không có oan sai.

Lời khai nhận trên của bị cáo Phạm Văn T đã phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang do Đội Cảnh sát điều tra tội phạm công an huyện Cai Lậy, tỉnh

Tiền Giang lập ngày 24/5/2017, lời khai của người làm chứng và vật chứng là 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái vớ màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu vớ được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau, đồng thời khớp với các lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan cơ điều tra cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Với các chứng cứ tài liệu đã nêu trên, Tòa án có đầy đủ cơ sở để kết luận Phạm Văn T lợi dụng sự sơ hở của em N, có hành vi dùng miệng hôn lên mặt, ngực, dùng tay sờ ngực, bóp vào mông của em N và cởi quần của em N xuống tới đầu gối. Việc bị cáo thực hiện hành vi dâm ô với bị hại là vi phạm pháp luật hình sự, do đó bị cáo đã phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em” được quy định tại khoản 1 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]. Hành vi phạm tội trên của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của trẻ em, nhân phẩm, danh dự, sức khỏe mà pháp luật bảo vệ. Cụ thể trong vụ án này là quyền bất khả xâm phạm của cháu Phạm Thị Như N, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, nguy hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của người bị hại đặc biệt là trẻ em ở độ tuổi đi học rất dễ bị xâm hại, đồng thời ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội của địa phương. Về động cơ, mục đích của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện nhận thấy, bị cáo đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe và khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm và sẽ gây hậu quả, tác hại rất lớn cho xã hội, nhưng chỉ vì nhằm để thỏa mãn sinh lý, nhất thời không kiềm chế được hành vi ham muốn về tình dục của mình bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Do đó phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục răn đe và phòng chống tội phạm.

[6]. Tuy nhiên xét về nhân thân Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự; ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi tG một phần thiệt hại cho bị hại; gia đình bị cáo thuộc diện cận nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi cha mẹ tuổi đã cao không còn lao động được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo thống nhất số tiền mà bị cáo bồi tG tổng cộng là 13.000.000 đồng. Do gia đình bị cáo đã nộp 8.000.000 đồng nên buộc bị cáo phải bồi tG tiếp cho người bị hại số tiền là 5.000.000 đồng là phù hợp Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng: 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái vớ màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu vớ được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau. Các vật chứng trên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu

nhận lại, không còn trị sử dụng nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[9]. Bị cáo Phạm Văn T có đơn xin miễn án phí do thuộc diện hộ cận nghèo (có giấy chứng nhận hộ cận nghèo và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TG vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử xét miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em”;
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 116; Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/3/2018 (T cho bị cáo các ngày tạm giữ từ ngày 24/5/2017 đến ngày 02/6/2017)

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo bồi tG cho người bị hại là Phạm Thị Như N (người đại diện hợp pháp là anh Phạm Văn R) số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Do đã nộp trước 8.000.000 đồng nên bị cáo chỉ phải nộp thêm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời gian bồi tG ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về vật chứng: Áp dụng 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái võng màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu võng được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TG vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Phạm Văn T được miễn án phí sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án tuyên vào ngày 27 tháng 8 năm 2018 có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng Phan Kim G; vắng mặt người bị hại, người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết L.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Công an huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Bị cáo, người bị hại, NLQ;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 23 tháng 8 năm 2018.

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

Vào hồi 9 giờ 30 ngày 23 tháng 8 năm 2018

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh

2. Bà Lê Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Phạm Văn T, sinh năm 1971 tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1- Về tội danh: Tuyên bố bị Phạm Văn T phạm tội “*Dâm ô đối với trẻ em*” .
Kết quả biểu quyết 3/3.

2- Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 116; Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Kết quả biểu quyết 3/3.

3- Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 23/3/2018 ((T cho bị cáo các ngày tạm giữ từ ngày 24/5/2017 đến ngày 02/6/2017)

4. Các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo bồi tG cho người bị hại là Phạm Thị Như N (đại diện hợp pháp là anh Phạm Văn R) số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Do đã nộp trước 8.000.000 đồng nên bị cáo chỉ phải nộp thêm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời gian bồi tG ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, bông trắng đỏ, cổ viền đỏ; 01 cái quần ngắn màu tím; 01 cái võng màu xanh đen có hai lớp gấp lại, dài 2,3 mét, rộng 1,2 mét, hai đầu võng được cột bằng hai sợi dây dù đẹp có nhiều màu sắc khác nhau. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy)

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TG vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm. Kết quả biểu quyết 3/3.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 00 ngày 27 tháng 8 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA